



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1562

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 23/06/2026 đến ngày 29/06/2026)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

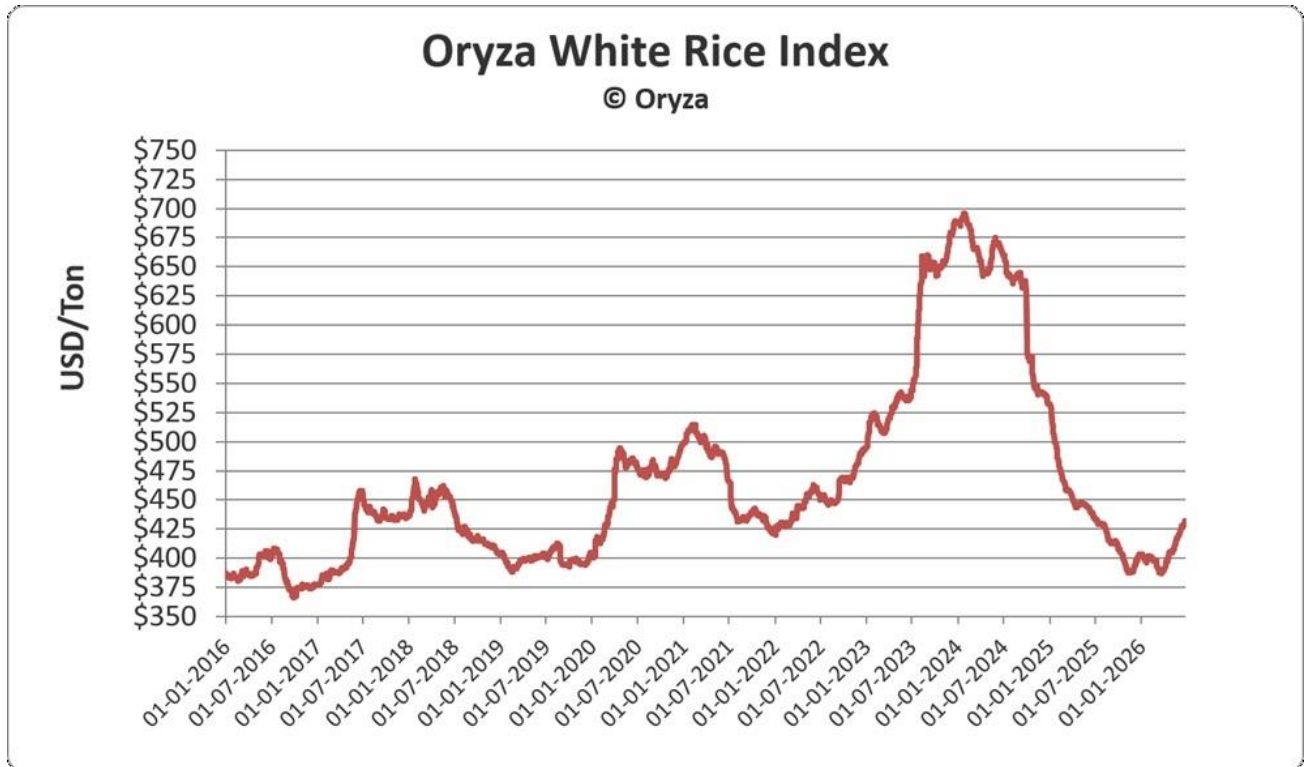
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

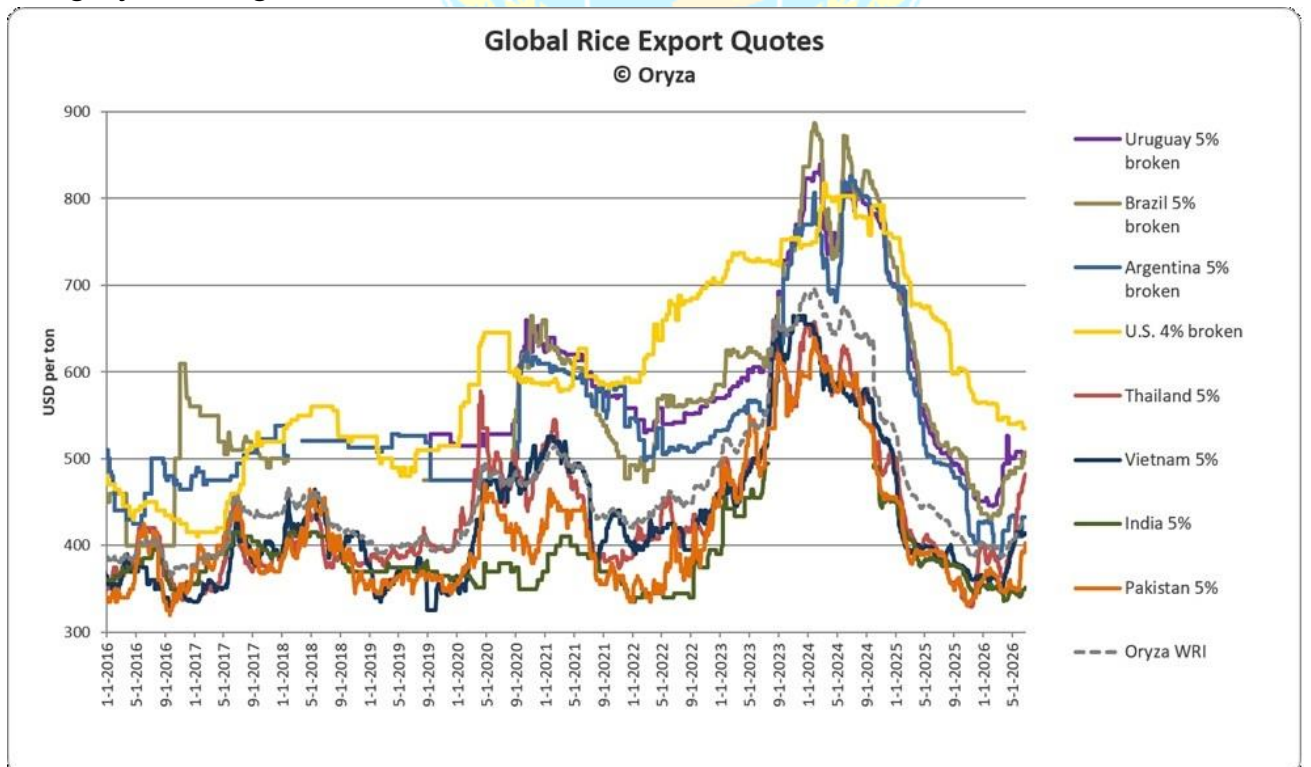
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	23 – 06		24 – 06		25 – 06		26 – 06	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	487	491	490	494	490	494	490	494
	5% tấm	477	481	480	484	480	484	480	484
	25% tấm	456	460	454	458	454	458	452	456
	Hom Mali 92%	1182	1186	1181	1185	1181	1185	1177	1181
	Gạo đỏ 100% Stxd	478	482	481	485	481	485	479	483
	A1 Super	414	418	412	416	412	416	410	414
VIỆT NAM	5% tấm	410	414	412	416	412	416	411	415
	25% tấm	381	385	381	385	381	385	380	384
	Gạo thơm 5% tấm	495	500	495	500	495	500	495	505
	Jasmine	505	509	508	512	508	512	508	512
	100% tấm	345	349	347	351	347	351	346	350
ẤN ĐỘ	5% tấm	348	352	350	354	350	354	349	353
	25% tấm	335	339	337	341	337	341	336	340
	Gạo đỏ 5% Stxd	336	340	341	345	341	345	341	345
	100% tấm Stxd	280	284	280	284	280	284	280	284
PAKISTAN	5% tấm	390	394	399	403	399	403	401	405
	25% tấm	364	368	373	377	373	377	373	377
	100% tấm Stxd	322	326	322	326	322	326	321	325
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	456	460	456	460	456	460	455	459
MỸ	4% tấm	533	537	533	537	533	537	533	537
	15% tấm (Sacked)	533	537	533	537	533	537	533	537
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	885	889	885	889	885	889	885	889

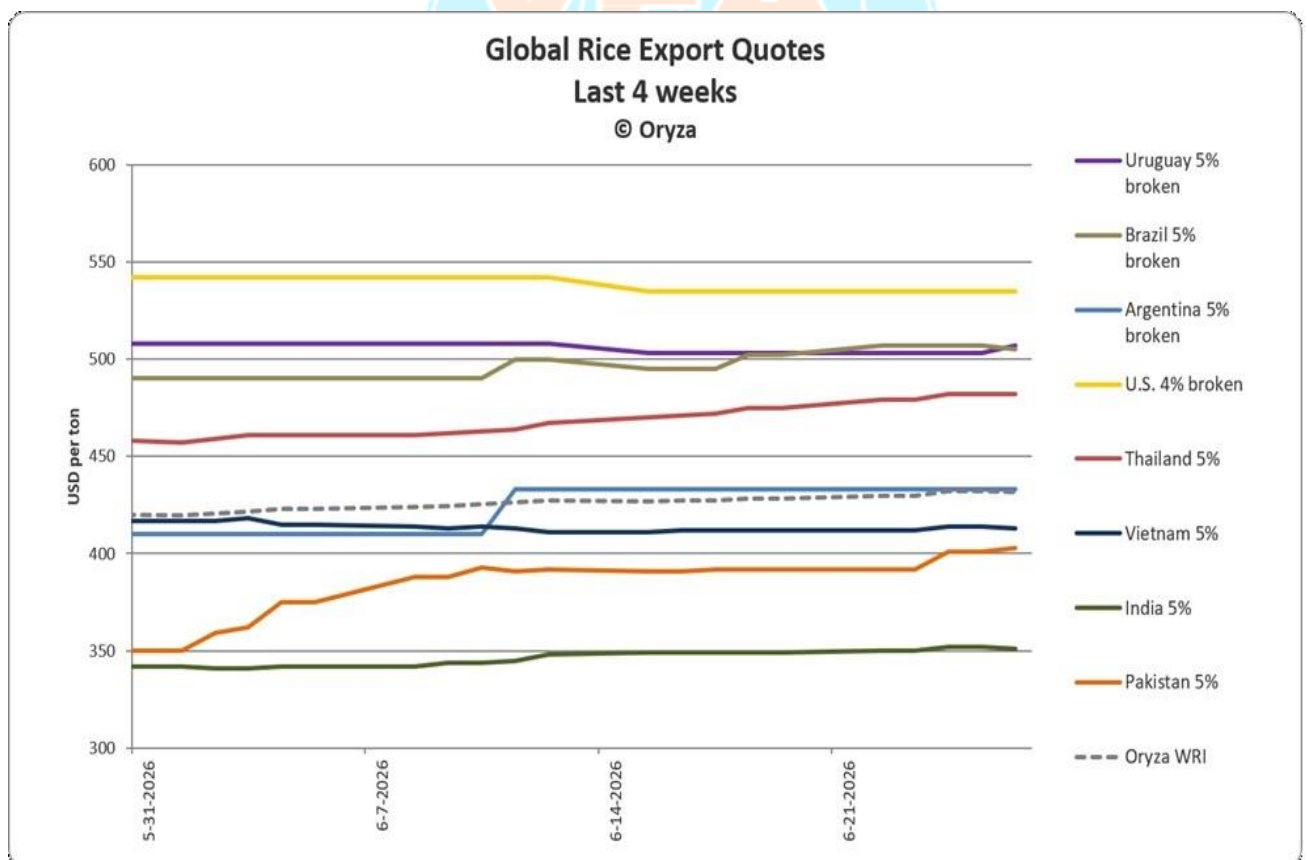
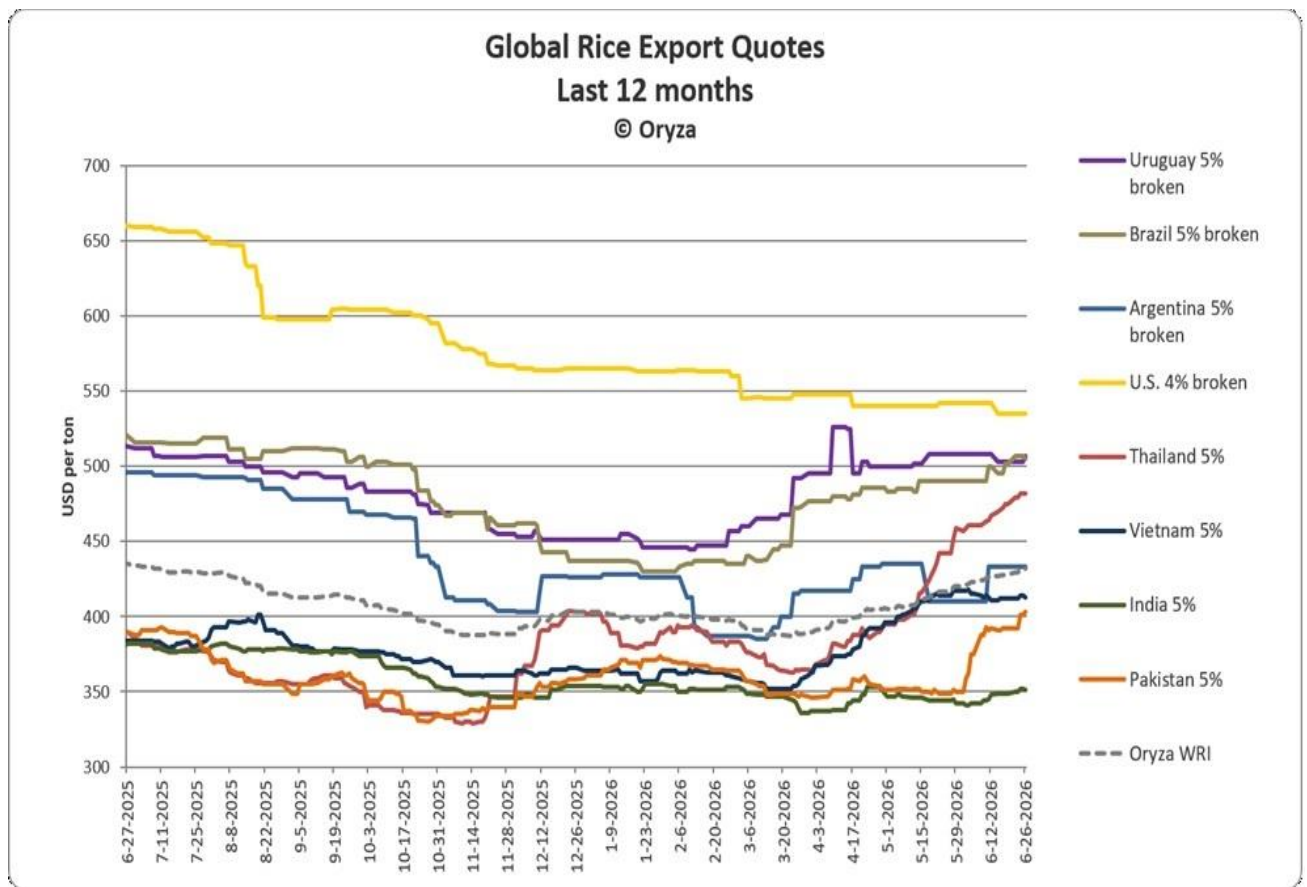
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

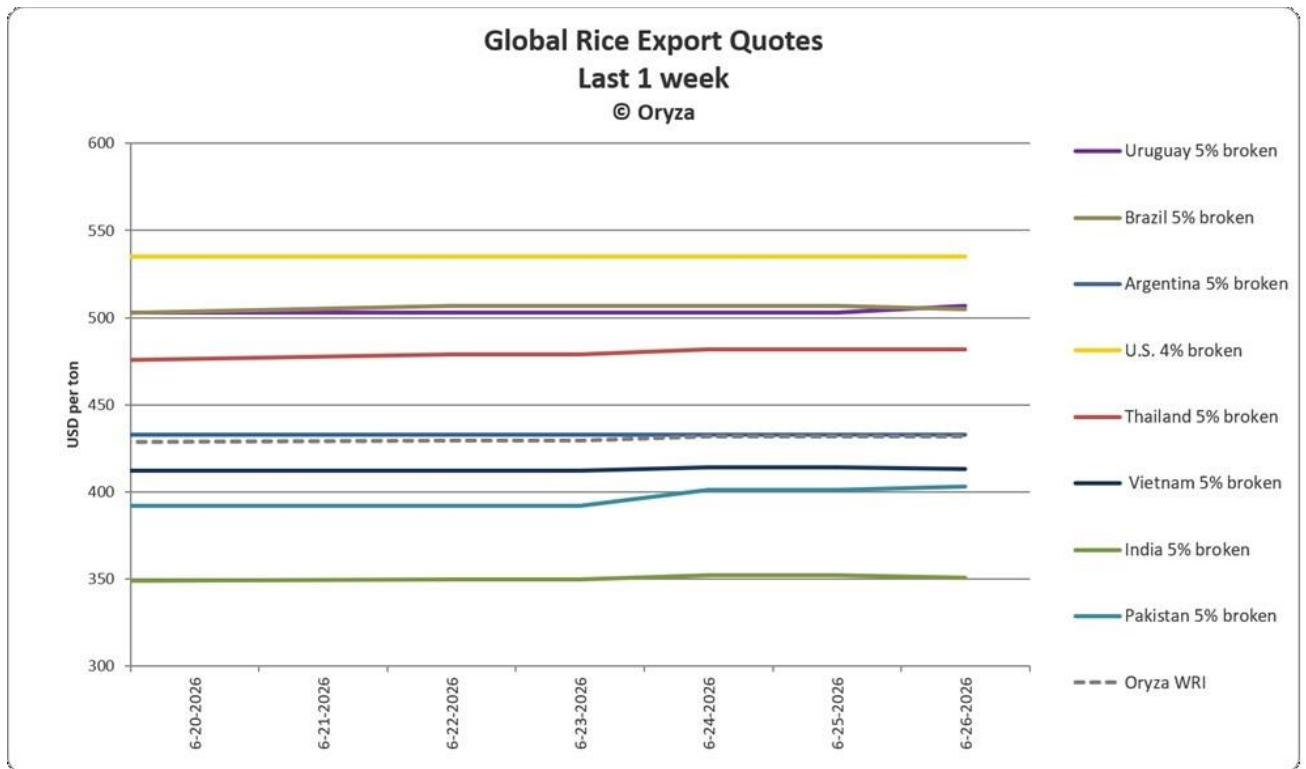
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 432 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước và tăng 15 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 3 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Một nghiên cứu của Đại học Illinois cho thấy nồng độ CO₂ tăng đã giúp năng suất lúa gạo toàn cầu tăng khoảng 30% trong giai đoạn 2006–2015, bù đắp phần lớn mức giảm 7% do biến đổi khí hậu. Nhờ tiến bộ kỹ thuật và cải thiện canh tác, sản lượng lúa gạo toàn cầu hiện đạt khoảng 713 triệu tấn/năm, gần gấp đôi so với những năm 1960.

Xuất khẩu phân bón qua eo biển Hormuz đang phục hồi sau thỏa thuận hòa bình Mỹ-Iran, giúp giảm lo ngại thiếu hụt nguồn cung và kéo giá phân bón urê giảm. Tuy nhiên, do rủi ro an ninh, ùn tắc tàu và thiệt hại tại các nhà máy, thị trường phân bón được dự báo chỉ phục hồi hoàn toàn từ tháng 8/2026.

Đông Nam Á đối mặt nguy cơ khói mù xuyên biên giới ở mức cao trong nửa cuối năm 2026 do El Niño mạnh lên và khả năng xuất hiện pha dương của Dao động lưỡng cực Ấn Độ Dương (IOD), làm gia tăng thời tiết khô nóng, nguy cơ cháy rừng và đốt nương tại Indonesia, Malaysia, Thái Lan.

Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) cùng Iran, Oman và Mỹ đã phối hợp bảo đảm an toàn hàng hải qua eo biển Hormuz, giúp duy trì lưu thông dầu, LNG, phân bón và hàng hóa. Tuy nhiên, chi phí vận tải và bảo hiểm vẫn ở mức cao do các rủi ro địa chính trị.

Giá dầu thế giới giảm mạnh sau khi vận tải qua Hormuz được nối lại, góp phần hạ nhiệt lo ngại lạm phát và giảm áp lực chi phí năng lượng.

Theo báo cáo Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) tháng 6/2026 dự báo thị trường gạo thế giới niên vụ 2026/27 tiếp tục được cung ứng dồi dào. Sản lượng đạt 545 triệu tấn, tiêu thụ 543 triệu tấn, thương mại lập kỷ lục 62 triệu tấn và tồn kho tăng lên 199 triệu tấn, chủ yếu nhờ nguồn cung lớn từ Ấn Độ.

Đề xuất của Tổng thống Donald Trump cho phép Iran sử dụng tài sản được giải tỏa để mua nông sản Mỹ có thể hỗ trợ xuất khẩu ngô, lúa mì và đậu tương của Mỹ, nhưng tác động đến thương mại gạo toàn cầu được đánh giá là không đáng kể.

Một nghiên cứu trên Nature Reviews Earth & Environment đề xuất tối ưu quản lý đất, nước và dinh dưỡng để giảm tích tụ arsen, cadimi và thủy ngân trong gạo, góp phần nâng cao an toàn thực phẩm với chi phí thấp.

Nghiên cứu mới cho thấy nâng pH đất bằng bón vôi có thể làm giảm vi khuẩn cộng sinh Burkholderia của rầy hôi hại lúa, từ đó hạn chế sâu hại và giảm phụ thuộc vào thuốc bảo vệ thực vật.

Indonesia

Indonesia đang mở rộng các chương trình hỗ trợ gạo như một phần trong nỗ lực lớn hơn nhằm tăng cường an ninh lương thực, hỗ trợ sức mua của hộ gia đình và duy trì ổn định giá gạo. Trong giai đoạn 2023–2025, Chính phủ đã phân phối 7,75 triệu tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia thông qua các chương trình bình ổn giá, hỗ trợ lương thực, chương trình ngân sách và cứu trợ thiên tai, đồng thời duy trì lượng dự trữ kỷ lục 5,2 triệu tấn tính đến tháng 6/2026. Với hoạt động thu mua trong nước mạnh mẽ và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, Chính phủ có kế hoạch tiếp tục và mở rộng các chương trình hỗ trợ này trong năm 2026, phản ánh định hướng ngày càng rõ nét về tự chủ lương thực và bảo vệ các hộ gia đình dễ bị tổn thương.

Dự trữ gạo của Indonesia đã tăng lên mức kỷ lục 5,2–5,3 triệu tấn, tạo ra vùng đệm an ninh lương thực vững chắc và đủ nguồn cung để đáp ứng nhu cầu trong nước đến tháng 5/2027, theo các quan chức Chính phủ. Lượng dự trữ lớn này được kỳ vọng sẽ giảm thiểu tác động của hiện tượng El Niño đang hình thành và hỗ trợ ổn định giá gạo. Cân đối cung cầu gạo năm 2026 của Indonesia dự báo sản lượng đạt 34,76 triệu tấn, trong khi tiêu dùng khoảng 31,1 triệu tấn, tạo ra mức thặng dư đáng kể và tồn kho cuối năm khoảng 16,24 triệu tấn. Các quan chức cho biết sản lượng lúa gạo của nước này sẽ vẫn duy trì khả năng chống chịu tốt trước những lo ngại về thời tiết nhờ mở rộng diện tích gieo trồng, cải thiện hệ thống thủy lợi và triển khai các chính sách từ sớm. Dự trữ gạo đã tăng mạnh từ khoảng 3,5 triệu tấn vào cuối năm 2025 lên trên 5 triệu tấn vào tháng 6/2026, mức cao nhất trong lịch sử Indonesia. Chính phủ cũng khẳng định Indonesia không còn phụ thuộc vào nhập khẩu gạo và đang đáp ứng nhu cầu thông qua việc tăng cường sản xuất trong nước.

Tổng thống Indonesia cho biết vào ngày 24/6 rằng nước này đã ghi nhận sản lượng lúa và ngô cao nhất từ trước đến nay kể từ khi giành độc lập, coi đây là một bước tiến quan trọng hướng tới mục tiêu tự chủ lương thực. Phát

biểu tại sự kiện quốc gia dành cho nông dân và ngư dân ở Gorontalo, ông ghi nhận đóng góp của nông dân, ngư dân và toàn bộ hệ sinh thái lương thực, đồng thời nhấn mạnh các nỗ lực của Chính phủ trong việc cải thiện khả năng tiếp cận phân bón, phát triển thủy lợi và nâng cao năng suất nông nghiệp. Những vụ mùa kỷ lục này, cùng với lượng dự trữ gạo lớn của Chính phủ và sản lượng ngô ngày càng tăng, giúp củng cố an ninh lương thực của Indonesia trước nguy cơ xuất hiện El Niño mạnh trong giai đoạn 2026/27. Đối với thị trường thế giới, đây là diễn biến đáng chú ý vì Indonesia vốn là một trong những nước nhập khẩu gạo lớn; do đó, sản lượng trong nước tăng và lượng tồn kho dồi dào có thể làm giảm nhu cầu nhập khẩu, qua đó giảm áp lực lên nguồn cung gạo toàn cầu.

Theo báo cáo Triển vọng Thị trường Lương thực của FAO (tháng 6/2026), Indonesia đã trở thành quốc gia sản xuất gạo lớn thứ tư thế giới, với sản lượng đạt 38 triệu tấn, chỉ đứng sau Ấn Độ, Trung Quốc và Bangladesh, đồng thời trở thành nước sản xuất gạo lớn nhất Đông Nam Á. Mức tăng trưởng sản lượng mạnh phản ánh thành công của nước này trong việc thúc đẩy sản xuất nội địa bất chấp các thách thức về khí hậu và bất ổn nguồn cung lương thực toàn cầu. Indonesia được dự báo sẽ ghi nhận mức tăng sản lượng gạo lớn nhất trong số các nước sản xuất hàng đầu thế giới, tăng thêm hơn 4 triệu tấn so với vụ trước. Sản lượng tăng cũng giúp nâng lượng dự trữ gạo của Chính phủ lên trên 5 triệu tấn, cho phép nước này không phải nhập khẩu gạo đồng thời tăng cường an ninh lương thực. FAO cũng lưu ý rằng lượng tồn kho tăng của Indonesia đang góp phần làm gia tăng lượng dự trữ gạo toàn cầu, dự kiến đạt mức cao thứ hai trong vòng mười năm qua.

Philippines

Cơ quan Lương thực Quốc gia Philippines (NFA) có kế hoạch xuất bán lượng gạo tồn kho trị giá khoảng 1,9 tỷ peso (33,5 triệu USD) đã được lưu kho trên sáu tháng để hỗ trợ chương trình bán gạo trợ giá 20 peso/kg của Chính phủ. Động thái này sẽ giúp duy trì giá gạo ở mức phải chăng cho người tiêu dùng, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng kho chứa bằng cách giải phóng không gian để tiếp nhận lượng gạo mới thu mua từ nông dân trong nước. Việc luân chuyển lượng tồn kho cũ ra thị trường sẽ giúp NFA cải thiện dòng tiền, giảm nguy cơ suy giảm chất lượng gạo và duy trì công tác quản lý tồn kho hiệu quả. Sáng kiến này phản ánh tình hình nguồn cung gạo khá dồi dào của Philippines và cho thấy Chính phủ đang sử dụng lượng dự trữ quốc gia nhằm tăng cường an ninh lương thực, ổn định nguồn cung gạo và duy trì hoạt động thu mua lúa của nông dân.

Theo Bảng cân đối cung cầu gạo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo xay xát của Philippines trong niên vụ 2026/27 được dự báo đạt 12,3 triệu tấn, tăng nhẹ so với niên vụ 2025/26 nhưng thấp hơn các dự báo trước đó do chi phí phân bón và nhiên liệu tăng, mực nước tại các hồ thủy lợi thấp và nguy cơ El Niño ngày càng gia tăng. Tiêu thụ gạo được dự báo tăng nhẹ lên 17,65 triệu tấn, nhờ tăng dân số mặc dù giá bán lẻ cao hơn. Để bù đắp nguồn cung trong nước suy giảm, nhập khẩu gạo được dự báo tăng lên 5,2 triệu tấn, trong khi tồn kho cuối kỳ dự kiến giảm xuống còn 2,65 triệu tấn do sản lượng không đáp ứng đủ nhu cầu. Chính phủ tiếp tục can thiệp vào thị trường gạo thông qua việc duy trì giá bán lẻ tối đa khuyến nghị (MSRP) 50 peso/kg đối với gạo nhập khẩu, áp dụng cơ chế thuế quan gắn với chỉ số giá và tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với gạo nhập khẩu. Trong khi đó, hoạt động thu mua gạo của NFA vẫn gặp khó khăn do nguồn cung lúa trong nước hạn chế hơn, dẫn đến lượng dự trữ gạo của Chính phủ giảm.

Malaysia

Malaysia đang chủ động triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ sản xuất lúa gạo trước những tác động dự kiến của hiện tượng El Niño và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi và cải thiện hệ thống quản lý nguồn nước. Các dự án trọng điểm, bao gồm cải tạo đập Pedu và Dự án Chuyển nước Jeniang, hướng tới tăng cường an ninh nguồn nước cho các vùng sản xuất lúa chủ lực, đặc biệt là bang Kedah, nơi sản xuất hơn 40% sản lượng gạo trắng của cả nước.

Chính phủ cũng đang hỗ trợ nông dân thông qua các khoản ứng trước, phát triển các giống lúa thích ứng với biến đổi khí hậu, hiện đại hóa hệ thống tưới tiêu, cải thiện lịch thời vụ và thúc đẩy áp dụng các công nghệ nông nghiệp chính xác. Trong bối cảnh El Niño được dự báo sẽ mạnh lên và đạt đỉnh từ cuối năm 2026 đến đầu năm 2027, cùng với lượng mưa được dự báo thấp hơn mức trung bình trong những tháng tới, các biện pháp này được kỳ vọng sẽ bảo đảm sản xuất lúa ổn định, tăng cường an ninh lương thực và duy trì nguồn cung gạo quốc gia ở mức đầy đủ.

Bangladesh

Sản lượng lúa Aus của Bangladesh trong niên vụ 2025/26 giảm 3% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 2,70 triệu tấn, chủ yếu do cả diện tích gieo trồng và năng suất đều giảm. Diện tích canh tác lúa Aus giảm 1,44%, xuống còn 945.000 ha, trong khi năng suất bình quân giảm 1,65%, còn 2,865 tấn/ha. Theo Cục Thống kê Bangladesh, nhiều nông dân đang chuyển từ trồng lúa Aus sang các loại cây trồng có lợi nhuận cao hơn, dẫn đến diện tích và sản lượng giảm. Mặc dù sự sụt giảm này phản ánh sự thay đổi trong xu hướng sản xuất

của nông dân, tác động đối với nguồn cung lúa gạo quốc gia được dự báo sẽ không đáng kể vì lúa Aus chỉ chiếm dưới 10% tổng sản lượng lúa của Bangladesh, trong khi lúa Boro đóng góp hơn một nửa tổng sản lượng.

Dự trữ lương thực của Chính phủ Bangladesh đã tăng lên trên 2 triệu tấn, đạt 2,072 triệu tấn tính đến ngày 21/6/2026, tăng từ khoảng 1,92 triệu tấn vào đầu tháng 4, nhờ hoạt động thu mua mạnh và nguồn cung dồi dào hơn sau thu hoạch vụ Boro. Để tăng cường an ninh lương thực và hỗ trợ nông dân, Chính phủ đang triển khai chương trình thu mua vụ Boro năm 2026 với mục tiêu thu mua 500.000 tấn thóc, 1,2 triệu tấn gạo đỏ, 100.000 tấn gạo Atap và 50.000 tấn lúa mì. Đến nay, khối lượng thu mua đã đạt 201.295 tấn thóc, 602.487 tấn gạo đỏ, 36.879 tấn gạo Atap và 500 tấn lúa mì. Các quan chức kỳ vọng tiến độ sẽ được đẩy nhanh khi lượng lúa gạo đưa ra thị trường tăng lên. Chính phủ vẫn tin tưởng sẽ hoàn thành các mục tiêu thu mua thóc và gạo trước ngày 31/8/2026, qua đó duy trì nguồn cung gạo trong nước ở mức dồi dào và tăng cường khả năng ứng phó trước các gián đoạn nguồn cung cũng như biến động giá cả.

Hàn Quốc

Tổng công ty Thương mại Nông - Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã công bố gói thầu quốc tế mua khoảng 106.607 tấn gạo tẻ, theo thông cáo đăng tải trên trang web của KAFTC. Hạn chót nộp báo giá được cho là vào 15:00 (giờ Hàn Quốc) ngày 02/7/2026. Phiên đấu thầu điện tử dự kiến diễn ra từ 10:00–11:00 (giờ Hàn Quốc) ngày 28/5/2026. Đây là gói thầu thứ năm trong năm 2026.

Trung Quốc

Công nghệ lúa lai của Trung Quốc đang góp phần chuyển đổi sản xuất lúa gạo tại Guinea bằng cách nâng cao đáng kể năng suất và cải thiện thu nhập của nông dân. Được triển khai thông qua hợp tác nông nghiệp giữa Trung Quốc và Guinea, các giống lúa lai được phát triển từ công trình nghiên cứu của nhà nông học Viên Long Bình (Yuan Longping) đã cho năng suất cao vượt trội so với các giống lúa truyền thống, với các mô hình trình diễn tại tỉnh Boffa đạt năng suất lên tới 9 tấn/ha. Bên cạnh việc cung cấp giống lúa cải tiến, các chuyên gia Trung Quốc còn đào tạo nông dân địa phương về các kỹ thuật canh tác hiện đại, giúp họ tối đa hóa sản lượng và mở rộng diện tích gieo trồng. Sáng kiến này đang góp phần cải thiện sinh kế khu vực nông thôn, tăng cường an ninh lương thực và giảm sự phụ thuộc của Guinea vào nhập khẩu gạo, đồng thời cho thấy công nghệ nông nghiệp tiên tiến và hợp tác quốc tế có thể hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững tại châu Phi.

Nhật Bản

Nhật Bản đang tăng cường nỗ lực mở rộng xuất khẩu gạo thông qua việc quảng bá gạo Nhật Bản tại các thị trường nước ngoài. Tại một hội chợ thực phẩm gần Paris, Bộ trưởng Nông nghiệp Nhật Bản đã phát cơm nắm làm từ gạo Nhật Bản cho người tiêu dùng Pháp và nhận được phản hồi tích cực, cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng của người tiêu dùng châu Âu đối với gạo Nhật. Hoạt động này, với sự hỗ trợ của các tổ chức xúc tiến thương mại và các nhà bán lẻ địa phương, là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn nhằm gia tăng nhu cầu đối với gạo Nhật Bản ở nước ngoài. Tuy nhiên, Bộ trưởng cũng lưu ý rằng để thành công tại thị trường châu Âu cần phải thích ứng với thói quen tiêu dùng địa phương, bởi nhiều hộ gia đình không sử dụng nồi cơm điện; do đó, các phương thức chế biến tiện lợi và những gợi ý bữa ăn thiết thực sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tiêu dùng rộng rãi hơn.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 507 USD/tấn, tăng khoảng 4 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 1 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 6 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 505 USD/tấn, tăng khoảng 3 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 15 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 15 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 433 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng 23 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 63 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Báo cáo Grain and Feed Update mới nhất của USDA, Mexico sẽ tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu gạo trong niên vụ 2026/27, do sản lượng trong nước dự kiến chỉ đáp ứng chưa đến 20% tổng nhu cầu. Sản lượng gạo được dự báo tăng 4%, đạt 192.000 tấn nhờ diện tích thu hoạch mở rộng nhẹ, trong khi tiêu dùng dự kiến tăng 1%, lên 1,01 triệu tấn, nhờ dân số tăng và mức tiêu thụ bình quân đầu người ổn định. Do đó, nhập khẩu gạo được dự báo tăng 4%, đạt 830.000 tấn, với Uruguay và Hoa Kỳ tiếp tục là hai nhà cung cấp chính. Chính phủ Mexico vẫn duy trì nguồn cung gạo với giá cả phải chăng thông qua hạn ngạch nhập khẩu miễn thuế và các hiệp định thương mại, thay vì theo đuổi mục tiêu tự chủ lương thực, mặc dù một phần hạn ngạch nhập khẩu năm 2026 hiện vẫn chưa được phân bổ. Trong khi đó, giá bán lẻ gạo dự kiến duy trì ổn định, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng vững chắc, còn tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm xuống 82.000 tấn khi lượng dự trữ tiếp tục được sử dụng.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 535 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm khoảng 7 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 125 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

USDA báo cáo lượng bán gạo xuất khẩu ròng của Hoa Kỳ trong niên vụ 2025/26 đạt 22.100 tấn trong tuần kết thúc ngày 18/6. Các thị trường cam kết mua lớn nhất gồm El Salvador (17.100 tấn) — trong đó có 12.000 tấn được chuyển từ các điểm đến chưa xác định — tiếp theo là Mexico (12.500 tấn), Canada (2.500 tấn), Jordan (800 tấn) và Maroc (200 tấn). Trong cùng kỳ, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Hoa Kỳ đã giao tổng cộng 99.100 tấn, chủ yếu đến Iraq (44.000 tấn), Nhật Bản (19.500 tấn), El Salvador (12.100 tấn), Colombia (9.400 tấn) và Mexico (4.800 tấn), phản ánh nhu cầu xuất khẩu ổn định và khối lượng giao hàng ở mức cao.

Trung Đông

Ngành lúa gạo của Iraq được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh trong năm 2026 sau nhiều năm chịu ảnh hưởng của hạn hán, khi lượng mưa được cải thiện và lưu lượng nước trên hai sông Tigris và Euphrates tăng lên đáng kể, giúp cải thiện nguồn nước tưới. Chính phủ đã mở rộng diện tích gieo trồng lúa lên khoảng 362.000 dunam, tăng từ chỉ 200 dunam trong năm 2025, trong khi lượng nước tích trữ tăng từ khoảng 4,5 tỷ m³ lên 30 tỷ m³.

Nhờ đó, sản lượng gạo của Iraq được kỳ vọng đạt khoảng 300.000 tấn trong năm 2026, tăng từ mức gần như không đáng kể của năm trước. Tuy nhiên, nước này vẫn cần nhập khẩu khoảng 800.000 tấn gạo để đáp ứng nhu cầu trong nước. Nông dân đang mở rộng diện tích canh tác và chuyển sang trồng gạo Jasmine có năng suất cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Mặc dù vậy, quá trình phục hồi vẫn còn mong manh do Iraq vẫn là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, hạn hán và phụ thuộc vào nguồn nước chảy từ Thổ Nhĩ Kỳ và Iran.

Châu Âu

Tính đến ngày 21/6/2026, thương mại gạo của Liên minh châu Âu (EU) trong niên vụ 2025/26 ghi nhận xu hướng trái chiều, khi nhập khẩu tăng nhẹ trong khi xuất khẩu giảm so với năm trước. Tổng lượng gạo nhập khẩu trong giai đoạn từ 01/9/2025 đến 21/6/2026 đạt 1,256 triệu tấn (quy gạo xay xát), nhỉnh hơn mức 1,254 triệu tấn của cùng kỳ năm trước, chủ yếu là gạo xay xát và gạo bán xay xát. Gạo Indica chiếm phần lớn lượng nhập khẩu với 1,063 triệu tấn, trong khi gạo Japonica đạt 193.279 tấn. Campuchia tiếp tục là nhà cung cấp gạo xay xát và bán xay xát lớn nhất cho EU, tiếp theo là Miến Điện, Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan.

Ở chiều ngược lại, lượng gạo xuất khẩu của EU giảm 4,25% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 224.075 tấn, trong đó gạo xay xát và bán xay xát chiếm phần lớn. Gạo Japonica chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu xuất khẩu, còn Vương quốc Anh tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của EU, tiếp theo là Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 351 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 7 USD/tấn so với tháng trước tuy nhiên giảm 30 USD/tấn so với cùng kỳ.

Xuất khẩu gạo phi basmati tiếp tục duy trì đà tăng mạnh, các doanh nghiệp đẩy mạnh giao hàng để đáp ứng nhu cầu quốc tế, với khối lượng gạo đang chờ xếp tàu hơn 1,15 triệu tấn. Thị trường xuất khẩu dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong những tuần tới, củng cố vị thế của Ấn Độ trên thị trường gạo thế giới trong niên vụ 2026/27.

Giá xuất khẩu cạnh tranh, nguồn cung trong nước dồi dào và lượng dự trữ gạo của Chính phủ ở mức kỷ lục đang hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu. Nhu cầu mua chủ yếu đến từ châu Phi, Đông Nam Á và Trung Đông, trong đó có Senegal, Benin, Bờ Biển Ngà và Philippines. Dù vậy, cần tiếp tục theo dõi những diễn biến của thời tiết, đặc biệt là mùa mưa và hiện tượng El Niño, do đây là những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng cũng như tâm lý chung của thị trường.

Giá gạo basmati có khả năng giảm 5-10% trong ngắn hạn do biến động tại khu vực eo biển Hormuz, gián đoạn hoạt động xuất khẩu sang các thị trường Trung Đông. Các nhà nhập khẩu tại Iran, Saudi Arabia, UAE và Iraq cân nhắc khi ký đơn hàng mới do lo ngại về chậm trễ vận chuyển, chi phí cước tàu tăng và rủi ro logistics.

Thái Lan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 482 USD/tấn, tăng 7 USD/tấn so với tuần trước, tăng 40 USD/tấn so với tháng trước và tăng 92 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Nước này đang chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch lúa mới trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu và yếu tố thời tiết còn nhiều biến động. Mặc dù nhu cầu từ Malaysia, Philippines và Iraq vẫn duy trì, xuất khẩu được dự báo tiếp tục ở mức thấp do cạnh tranh cao từ một số nguồn cung trong khu vực. Đồng thời, lượng

mưa thấp hơn trung bình và khả năng El Nino mạnh lên có thể ảnh hưởng đến năng suất, do đó sản lượng gạo niên vụ 2026/27 được dự báo giảm khoảng 2% so với niên vụ trước.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 403 USD/tấn, tăng 11 USD/tấn so với tuần trước, tăng 54 USD/tấn so với tháng trước và tăng 13 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Nước này đề nghị cung cấp 1 triệu tấn gạo cho Philippines theo cơ chế hợp tác giữa Chính phủ với Chính phủ (G2G), trong khuôn khổ Bản ghi nhớ (MoU) hai nước đang đàm phán về hợp tác trong lĩnh vực gạo, nông nghiệp và thủy sản. Đề xuất này nhằm hỗ trợ nhu cầu đảm bảo an ninh lương thực của Philippines với nguồn cung gạo có giá cạnh tranh.

Miền Điện

Thị trường gạo trong tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu xuất khẩu suy yếu và hoạt động giao dịch chậm lại vào mùa mưa. Mặc dù nhu cầu còn chậm, giá một số loại gạo thường tuần qua tiếp tục duy trì ở mức cao. Các doanh nghiệp xuất khẩu đã giảm hoạt động thu mua trong tuần qua do giá gạo nội địa tăng, làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu.

Campuchia

Theo Liên đoàn Gạo Campuchia, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu gạo xay xát lớn nhất, nhu cầu mạnh đối với các dòng gạo cao cấp, nâng cao giá trị xuất khẩu và thúc đẩy tăng trưởng trên toàn chuỗi giá trị lúa gạo, từ nông dân, doanh nghiệp chế biến đến các nhà xuất khẩu.

Dự báo ngành lúa gạo sẽ phục hồi mạnh trong niên vụ 2026/27. Sản lượng lúa dự kiến đạt 14,43 triệu tấn, trong khi sản lượng gạo xay xát đạt 8,8 triệu tấn, nhờ diện tích thu hoạch mở rộng, sử dụng phân bón hiệu quả hơn, chi phí nhiên liệu giảm và nguồn nước được cải thiện sau một vụ mùa trước gặp nhiều khó khăn. Tiêu thụ nội địa được dự báo duy trì tương đối ổn định ở mức 4,2 triệu tấn, do người tiêu dùng tại khu vực đô thị dần đa dạng hóa khẩu phần sang các thực phẩm có nguồn gốc từ lúa mì. Xuất khẩu gạo được dự báo tăng nhẹ lên 4,1 triệu tấn, nhờ nhu cầu mạnh từ các thị trường Việt Nam, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU) và Philippines.

Giá gạo duy trì ổn định, lợi nhuận sản xuất của nông dân phục hồi cùng với các chính sách của Chính phủ nhằm đảm bảo nguồn cung phân bón và nhiên liệu được kỳ vọng sẽ tiếp tục củng cố đà phát triển của ngành. Tồn kho cuối kỳ được dự báo tăng lên gấp đôi, khoảng 1,09 triệu tấn do sản lượng và nguồn cung đều được cải thiện.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	23 - 06	24 - 06	25 - 06	26 - 06	29 - 06
Trung Quốc (CNY/USD)	6,77	6,79	6,80	6,80	6,80
Châu Âu (EUR/USD)	0,87	0,88	0,88	0,88	0,88
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.830,62	17.919,46	17.976,94	17.953,30	17.870,42
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,15	4,14	4,14	4,12	4,09
Philippines Peso (PHP/USD)	61,05	61,07	61,01	61,27	61,30
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.538,08	1.532,91	1.542,59	1.541,62	1.535,66
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	161,52	161,56	161,76	161,67	161,74
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	94,58	94,71	94,31	94,40	94,47
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,39	2.099,54	2.099,53	2.099,45	2.099,65
Pakistan Rupees (PKR/USD)	278,21	278,65	278,15	278,33	278,21
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,96	33,26	33,43	33,33	33,38
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.300,86	26.316,74	26.332,20	26.318,74	26.298,68

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 22/06/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,076 triệu ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 86.66% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 123 ngàn tấn với năng suất khoảng 61,91 tạ/ha, sản lượng ước đạt 765 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/06 – 29/06/2026 có 43 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 301.960 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tràng An 05	HCM	02/05/2026	12.500	Philippines
2	Đại Tây Dương 25	HCM	21/05/2026	4.950	Philippines
3	Hải Thuận 06	HCM	25/05/2026	5.000	Philippines
4	Quang Minh 5	HCM	25/05/2026	4.500	Malaysia

5	Angele N	HCM	26/05/2026	50.000	Châu phi
6	Phường Nam 1	HCM	26/05/2026	6.000	Philippines
7	Tân An 01	HCM	28/05/2026	5.080	Philippines
8	AP Queen	HCM	29/05/2026	10.000	Philippines
9	VS Glory	HCM	29/05/2026	4.000	Philippines
10	Royal 16	HCM	30/05/2026	5.000	Philippines
11	Star 55	HCM	31/05/2026	6.850	Philippines
12	An Thịnh Phú 08	HCM	01/06/2026	6.350	Philippines
13	Adira 16	HCM	02/06/2026	2.800	Malaysia
14	Mekong	HCM	02/06/2026	4.100	Philippines
15	PHC Honesty	HCM	02/06/2026	15.400	Philippines
16	Tân An Bonanza	HCM	02/06/2026	6.830	Philippines
17	Bình Nguyên Star	HCM	04/06/2026	6.700	Philippines
18	Tân An Honesty	Mỹ Thới	05/06/2026	3.600	Philippines
19	Ta Star 03	HCM	07/06/2026	10.500	Philippines
20	MD Sky	HCM	08/06/2026	12.500	Philippines
21	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	08/06/2026	4.900	Philippines
22	Vinh Quang Dynamic	HCM	08/06/2026	4.800	Philippines
23	Bother 66	HCM	10/06/2026	5.000	Philippines
24	Viễn Đông 09	HCM	11/06/2026	6.000	Philippines
25	Hòa Bình 79	HCM	12/06/2026	7.200	Philippines
26	Hồng Lĩnh 01	HCM	12/06/2026	12.500	Philippines
27	Tân An Endeavor	HCM	12/06/2026	4.850	Philippines
28	Hương Anh 59	HCM	13/06/2026	2.800	Malaysia
29	Quang Minh 18	Mỹ Thới	13/06/2026	3.700	Philippines
30	Vinh Quang Star	HCM	13/06/2026	6.850	Philippines
31	Hoàng Triều 68	HCM	14/06/2026	6.500	Philippines
32	Quang Minh 6	HCM	14/06/2026	4.500	Philippines
33	Mr. Pepper	HCM	16/06/2026	6.700	Philippines
34	Phúc Thuận 89	HCM	16/06/2026	4.000	Philippines
35	Tân An Advance	HCM	16/06/2026	6.500	Philippines
36	Vinacomin Hạ Long	HCM	27/06/2026	6.900	Philippines
37	Hoàng Phương Lucky	HCM	18/06/2026	4.900	Philippines
38	Vinh Quang Star	HCM	18/06/2026	6.850	Philippines
39	Kiến Hưng	HCM	19/06/2026	3.400	Philippines
40	Phúc Thuận 289	HCM	19/06/2026	6.500	Philippines
41	Hồng Lĩnh 01	HCM	20/06/2026	12.500	Philippines
42	MD Sea	HCM	20/06/2026	12.500	Philippines
43	Tân An Dynamic	HCM	20/06/2026	6.800	Philippines
44	Lucky Star 6	HCM	21/06/2026	7.300	Philippines
45	New Xa La	HCM	21/06/2026	4.100	Philippines

Bản tin 1562 (Từ Ngày 23/06/2026 Đến Ngày 29/06/2026)

46	Phúc Thuận 189	HCM	23/06/2026	4.000	Philippines
47	Hà Đông	HCM	24/06/2026	4.000	Philippines
48	Hàm Rồng 8	HCM	24/06/2026	2.000	Malaysia
49	Hòa Bình 45	HCM	24/06/2026	4.000	Philippines
50	Vinh Quang 379	HCM	25/06/2026	4.680	Philippines
51	Hoàng Anh 06	HCM	26/06/2026	13.500	Philippines
52	Thái Bình 38	HCM	26/06/2026	5.000	Philippines
53	HTK Discovery	HCM	27/06/2026	33.000	Châu phi
54	Quang Vinh Sea	HCM	29/06/2026	4.450	Philippines
Tổng				415.840	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	25/06	+/-	25/06	+/-	25/06	+/-	25/06	+/-	25/06	+/-	25/06	+/-	25/06	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.050	-	5.850	-	5.950	+100	6.050	+200	6.175	-25	6.250	-	6.250	-	6.250	6.082
Lúa thường	5.750	+100	5.650	-	5.600	+50	5.850	+200	5.825	-	5.850	-	5.850	-	5.850	5.768
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.450	-	7.150	-	7.700	+500	7.450	-	8.150	-50			8.250	-	8.250	7.692
Lúa thường	7.250	-	6.950	-	7.335	+685	7.150	-	8.200	-			7.750	-	8.200	7.439
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.850	-	9.700	+150	8.650	-1.000	9.850	+100			10.150	-	10.150	9.492
Lứt loại 2	8.650	-	8.550	-	8.700	+200	9.650	+1.000	8.750	-50	9.650	+850	8.650	-	9.650	8.943
Xát trắng loại 1			11.650	+100			11.000	-50	11.000	+50	11.650	+100	11.550	-	11.650	11.370
Xát trắng loại 2			10.150	-			10.225	-25	10.150	-	10.250	-	10.250	-	10.250	10.205
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	7.650	-	7.900	-	7.800	-	7.800	-	7.775	-175	7.900	-50	7.650	-	7.900	7.782
Tấm 2/3			7.800	-	7.800	-			7.775	+25			7.450	-	7.800	7.706
Tấm 3/4	7.450	-	7.700	-	7.800	+75							7.450		7.800	7.600
Cám xát	7.550	-	7.750	-	7.725	-	7.550	-	8.000	+25	8.000	+25	7.350	-	8.000	7.704
Cám lau	7.550	-	7.650	-	7.900	+175	7.550	-	8.000	+25	8.000	+25	7.450	-	8.000	7.729
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.300	-100	10.500	-	10.550	+350	10.550	+50	10.950	+50	10.950	+50	10.350	-	10.950	10.593
10%			10.400	-					10.700	-			10.250		10.700	10.450
15%	10.100	-100	10.200	-	10.350	+350	10.350	+50	10.500	-	10.500	-	10.050	-	10.500	10.293
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	9.900	-100	9.700	-	10.150	+350	10.150	+50	9.900	-	10.150	+50	9.750	-	10.150	9.957
